TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2021
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.

Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021, về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn An Vệ, xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư VPLS Bảo Công

Địa chỉ: Số nhà 2, khu 1, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết Nh, sinh năm 1987

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn An Vệ, xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Trần Thị Tuyết Nh được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/7/2010. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn An Vệ, xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh chị đã nhiều lần cùng ngồi lại để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, tuy nhiên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, nhưng không can thiệp mà để cho hai vợ chồng tự quyết định. Do mâu thuẫn nên đến tháng 5/2018, chị Nh đã bỏ sang Nhật Bản xuất khẩu lao động. Hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh.

- *Về con chung:* Anh và chị Nh có 02 con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Phương H, sinh ngày 23/7/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh và bà nội. Anh đang làm nghề tự do, chuyên sửa chữa điện nước, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Các con đã ở ổn định cùng anh và bà nội từ nhỏ, hằng ngày có bà nội hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các con. Do đó, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Ph không cung cấp được địa chỉ của chị Nh tại Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Nh, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Nh. Ông Trần Công Q và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ chị Nh xác định, chị Nh hiện làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Nh nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Nh thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Nh biết. Theo ông Q, bà N cung cấp thì

sau khi kết hôn, vợ chồng anh Ph, chị Nh về chung sống cùng bố mẹ chồng, hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông bà biết vợ chồng anh Ph chị Nh có mâu thuẫn với nhau, nhưng cụ thể mâu thuẫn vì vấn đề gì thì ông bà không rõ, chị Nh không nói vì sợ ông bà lo nghĩ. Ông bà cũng khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng cũng không có kết quả. Khoảng năm 2015, do mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị Nh đưa cả hai con về nhà ông bà sống, hai vợ chồng sống ly thân với nhau kể từ đó đến nay. Đến tháng 5/2018, chị Nh đã sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, còn hai con của anh Ph, chị Nh về ở cùng anh Ph và bà nội để tiện đi học. Hai vợ chồng anh Ph, chị Nh không ai còn quan tâm đến ai nữa. Chị Nh cũng chỉ liên lạc với ông bà chứ không liên lạc gì với anh Ph. Việc anh Ph làm đơn xin ly hôn với chị Nh, ông bà cũng đã thông báo cho chị Nh biết. Quan điểm của chị Nh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh Ph.

Vợ chồng anh Ph, chị Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Phương H, sinh ngày 23/7/2013, hiện hai cháu ở cùng anh Ph và bà nội. Chị Nh có trao đổi với ông bà là nhất trí để anh Ph tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Ph. Vợ chồng chị Nh, anh Ph không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Anh Ph có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Nguyễn Văn Ph được ly hôn chị Trần Thị Tuyết Nh; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Phương H, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng cho con; Anh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Ph có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Trần Thị Tuyết Nh. Chị Nh hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph không cung cấp được địa chỉ của chị Nh tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị Nh cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nh vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Ph, chị Nh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Trần Thị Tuyết Nh được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh. Thông qua gia đình, chị Nh có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Ph. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh Ph và chị Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Ph xin ly hôn chị Nh là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Ph và chị Nh có hai con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Phương H, sinh ngày

23/7/2013. Hiện hai cháu đang ở với anh Ph và bà nội. Xét thực tế, chị Nh đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam, hai con cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng anh Ph nên việc giao con cho anh Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nh được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Ph phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng*:* Xử cho anh Nguyễn Văn Ph được ly hôn chị Trần Thị Tuyết Nh.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu B, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Phương H, sinh ngày 23/7/2013, thời gian từ tháng 9/2021 đến khi các con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Ph không yêu cầu chị Trần Thị Tuyết Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Trần Thị Tuyết Nh được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005970 ngày 23/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh Ph đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Trần Thị Tuyết Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ĐX, huyện GiL, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa